

## THÀNH PHẦN LOÀI BƯỚM NGÀY (LEPIDOPTERA, RHOPALOCERA) TRÊN CÁC ĐỈNH NÚI CAO CỦA KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN HOÀNG LIÊN, TỈNH LÀO CAI

VŨ VĂN LIÊN

*Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga*

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Hoàng Liên được thành lập năm 1986, nằm trên địa bàn của 6 xã thuộc 2 huyện Sa Pa và Than Uyên (tỉnh Lào Cai). Diện tích của khu bảo tồn là 29845 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 17823 ha, có đỉnh Fansipan cao 3143 m.

Danh lục đầu tiên về bướm của Việt Nam và Đông Dương đã được xuất bản năm 1919 [5]. Theo danh sách này, khu hệ bướm ở đây tương đối khác so với các khu vực khác ở miền Bắc và Trung Việt Nam; có rất nhiều loài đặc trưng cho vùng Trung Hoa- Himalaia. Metaye là người đầu tiên đưa ra danh sách bướm của Việt Nam, trong đó có một số loài phân bố ở Sa Pa, Lào Cai [8]. Gần đây, có một số công trình nghiên cứu về bướm của KBTTN Hoàng Liên. Monastyrskii và Hill đã đưa ra danh sách 83 loài bướm thuộc 8 họ, trong số đó có một loài thuộc giống *Ypthima* được xác định là loài mới đối với khoa học và một số loài khác được ghi nhận lần đầu tiên cho Việt Nam [9]. Cuộc khảo sát khu hệ bướm trong hai năm 1998, 1999 của Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga đã xác định 193 loài bướm thuộc 10 họ [10]. Đây là danh lục loài đầy đủ nhất từ trước tới nay. Kết quả sơ bộ về thành phần loài bướm ở các đai cao khác nhau điều tra năm 1998 với 83 loài đã được xác định [1].

Sinh cảnh trên các đỉnh núi cao của Việt Nam, đặc biệt là KBTTN Hoàng Liên (khu vực cao nhất Việt Nam) giữ vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn các loài bướm quý, hiếm của Việt Nam. Địa hình trên các đỉnh núi Hoàng Liên phức tạp, độ dốc từ 30° đến 45°, có nơi đến 60°, thường có một mặt rất dốc gần như thẳng đứng. Các đỉnh núi rời rạc, cô lập, có diện tích từ 15 m<sup>2</sup> đến 350 m<sup>2</sup>. Thực vật chủ yếu là các loài cây thuộc các họ Đỗ quyên (Ericaceae), Dẻ (Fagaceae), Chè (Theaceae), Hoa hồng

(Rosaceae). Từ độ cao 2700 m trở lên, thảm thực vật thấp và thưa thớt, cao 0,8 đến 1,2 m.

So với khu hệ bướm nói chung của Việt Nam, thì thành phần loài bướm trên các đỉnh núi cao của Việt Nam chưa được nghiên cứu nhiều do việc tiếp cận khó khăn.

Mục đích của bài báo này nhằm cung cấp danh lục các loài bướm ngày trên các đỉnh núi cao 1800-2900 m của KBTTN Hoàng Liên, Lào Cai. So với thành phần loài đã công bố trước đây từ độ cao 1200-2200 m [1], có 29 loài được bổ sung trong bài báo này; tuy nhiên, nhiều loài bắt gặp ở đai thấp trong tài liệu trước [1] không có trong danh lục này. Ngoài ra, nhiều loài được ghi nhận ở các đai cao hơn.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cuộc khảo sát khu hệ bướm ngày tiến hành tại 20 đỉnh núi cao của KBTTN Hoàng Liên với độ cao từ 1800-2900 m. Thời gian tiến hành từ tháng 6 đến tháng 11 năm 1998; trong hai tháng 10, 11 năm 2000 và tháng 5 năm 2001. Địa điểm khảo sát thuộc địa phận của hai xã Tả Van và San Sả Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Phương pháp: quan sát, ghi chép các loài bướm xuất hiện tại các đỉnh núi từ 9h đến 15h. Các loài bướm khó xác định tên được bắt bằng vợt để xác định, sau đó thả ra. Ngoài ra, thu một số mẫu chủ yếu là các loài bướm nhỏ thuộc hai họ Lycaenidae và Hesperidae để xác định tên.

Việc phân loại bướm dựa theo các tài liệu phân loại của Choulo [3]; Lekagul và cs. [7]; Osada, Uemura và Uehara [11]. Các loài bướm thuộc họ Hesperidae do Alexey Devyatkin

(Trường đại học Tổng hợp quốc gia Mátxcova, CHLB Nga) phân loại.

## II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### THÀNH PHẦN VÀ ĐỘ PHONG PHÚ CỦA CÁC LOÀI Bướm NGÀY TRÊN CÁC ĐỈNH NÚI CAO 1800-2900 m CỦA KBTN HOÀNG LIÊN

STT	Tên loài	Độ phong phú	Độ cao bắt gặp (m)
	<b>Papilionidae</b>		
1	<i>Papilio arcturus</i> Westwood	++	1800-2150
2	<i>Papilio bianor</i> Cramer	++	2000
3	<i>Papilio helenus</i> Linnaeus	+++	1800
4	<i>Papilio memnon</i> Linnaeus	++	1800-2000
5	<i>Papilio paris</i> Linnaeus	+++	1800
6	<i>Papilio protenor</i> Cramer	++	1800
7	<i>Papilio polytes</i> Linnaeus	+++	1800-2200
8	<i>Graphium antiphates</i> (Cramer)	++	1800
9	<i>Graphium cloanthus</i> Westwood	+	2000
10	<i>Graphium doson</i> (Felder & Felder)	++	1800
11	<i>Graphium sarpedon</i> (Linnaeus)	++	1800
12	<i>Meandrusa sciron</i> (Leech)	++	1800-2200
13	<i>Troides aeacus</i> (Felder & Felder)	+	1800
14	<i>Teinopalpus imperialis</i> Hope	+	2150
	<b>Pieridae</b>		
15	<i>Hebomoia glaucippe</i> (Linnaeus)		1800-2000
16	<i>Pieris erutae</i> Pujade	+++	1800
17	<i>Talbotia naganum</i> ** (Moore)	++	1800
18	<i>Delias belladonna</i> (Fabricius)	++	1800
19	<i>Delias hyparete</i> (Linnaeus)	++	1800
20	<i>Prioneris thestylis</i> (Doubleday)	++	1800
21	<i>Pieris canidia</i> (Sparman)	+++	1800
22	<i>Eurema hecabe</i> ** (Linnaeus)	++	1800
23	<i>Appias lyncida</i> (Cramer)	++	1800
	<b>Danaidae</b>		
24	<i>Euploea mulciber</i> ** (Cramer)	+++	1800-2000
25	<i>Danaus genutia</i> ** (Cramer)	+++	1800-2900
26	<i>Parantica aglea</i> (Stoll)	+++	1800
27	<i>Parantica melaneus</i> Cramer)	++	1800
28	<i>Parantica sita</i> ** (Kollar)	++	1800-2200
29	<i>Tirumala septentrionis</i> (Butler)	++	1800
	<b>Nymphalidae</b>		
30	<i>Cirrochroa tyche</i> (Felder)	++	1800
31	<i>Stibochiona nicea</i> ** (Gray)	++	1800
32	<i>Vanessa cardui</i> (Linnaeus)	+++	1800-2200

33	<i>Vanessa indica</i> (Linnaeus)	+++	1800-2150
34	<i>Childrena childreni</i> (Gray)	++	1800
35	<i>Cethosia biblis</i> (Drury)	++	1800
36	<i>Argyreus hyperbius</i> (Linnaeus)	+++	1800-2150
37	<i>Athyma cama</i> Moore	++	1800
38	<i>Athima opalina</i> (Kollar)	++	1800-2150
39	<i>Neptis ananta</i> Moore	++	1800-2000
40	<i>Symbrenthia lilae</i> (Hewitson)	++	1800
41	<i>Parasarpa dudu</i> (Westwood)	++	1800
42	<i>Hestina nama</i> (Doubleday)	++	1800-2150
43	<i>Sumalia daraxa</i> Doubleday	+++	1800-2150
44	<i>Vindula erota</i> (Fabricius)	+++	1800-2000
45	<i>Parthenos sylvia</i> Cramer	++	1800-2150
46	<i>Hypolimnas bolina</i> (Linnaeus)	++	1800
	<b>Satyridae</b>		
47	<i>Lethe insana</i> Kollar	++	2000
48	<i>Lethe nicetas</i> Hewitson	++	2000
49	<i>Lethe siderea</i> Marshall	++	2150
50	<i>Lethe violaceopicta</i> Poujade	+	2000
51	<i>Lethe sura</i> (Doubleday)	++	2200
52	<i>Lethe sidonis</i> (Hewitson)	++	1800-2200
53	<i>Neope pulaha pulahoides</i> Moore	++	2200
	<b>Riodinidae</b>		
54	<i>Dodona adonira</i> Hewitson	++	2000
55	<i>Dodona egeon</i> (Westwood)	++	2200
56	<i>Dodona ouida</i> Hewitson	++	1800-2200
57	<i>Abisara freda</i> Bennet	++	1800-2200
	<b>Lycaenidae</b>		
58	<i>Acytolepis puspa</i> (Horsfield)	*	1800
59	<i>Spindasis lohita</i> (Horsfield)	*	1800
60	<i>Jamides bochus</i> ** (Stoll)	*	1800-2000
61	<i>Heliophorus brahma</i> ** Moore	*	1800
62	<i>Celastrina marginata</i> (de Niceville)	*	2150
63	<i>Celastrina argiolus</i> (Linnaeus)	*	2000
64	<i>Arhopala paraganesa</i> (de Niceville)	*	2000
65	<i>Rapala nissa</i> Kollar	*	2000
66	<i>Ancema ctesia</i> ** (Hewitson)	*	1800
67	<i>Udara dilecta</i> Moore	*	1800
	<b>Hesperiidae</b>		
68	<i>Caltoris serius serius</i> Evans	*	2000
69	<i>Caltoris tulsi</i> de Niceville	*	2000
70	<i>Polytremis discreta</i> (Elwes & Edwards)	*	2000

#### Ghi chú:

- + hiếm: thấy trên 10% số đỉnh núi (1-2 đỉnh) và 1-2 cá thể trên một đỉnh.
- ++ ít gặp: thấy trên 30% số đỉnh núi và 3 - 5 cá thể trên một đỉnh.
- +++ thường gặp: thấy trên 50% số đỉnh núi và trên 5 cá thể trên một đỉnh (cách tính này không theo quy ước, chỉ sử dụng trong bài báo này),
- \* không xác định độ phong phú (bướm nhỏ không quan sát được độ phong phú),
- \*\*loài được ghi nhận trên các đai cao hơn so với tài liệu khảo sát năm 1998 [1].

Có 70 loài bướm ngày thuộc 8 họ đã được ghi nhận trên các đỉnh núi cao của KBTTN Hoàng Liên. So với 193 loài bướm đã ghi nhận được ở đây thì tỷ lệ các loài bướm ngày trên các đỉnh núi cao chiếm 36% (70/193 loài), so với VQG Tam Đảo chỉ có 20% (60/300 loài) [2].

Dựa vào các tài liệu phân bố địa lý của bướm đã xuất bản [3, 6, 7, 10, 11, 12] thì các loài bướm ngày của KBTTN Hoàng Liên thuộc 6 khu phân bố địa lý của bướm (không tính các loài thuộc họ Hesperidae và Lycaenidae, do thiếu số liệu về phân bố) dưới đây:

- Khu đặc hữu (Đông Himalaia - Nam Trung Hoa - Bắc Đông Dương): 9 loài, chiếm 15,8%;
- Khu Đông Nam Á: 11 loài, chiếm 19,3%;
- Khu Đông Dương - Malaixia - Ôxtrâyli: 23 loài, chiếm 40,4%;
- Khu Đông Dương - Malaixia - Ôxtrâyli, Cổ Bắc: 11 loài, chiếm 19,3%;
- Khu Nhiệt đới Cổ, Bắc chung: 2 loài, chiếm 3,5%;
- Toàn cầu: 1 loài, chiếm 1,7%.

Các loài phân bố hẹp ở Việt Nam (thuộc khu đặc hữu) thường chỉ thấy dưới tán rừng hoặc trong rừng kín; chúng có phạm vi phân bố địa lý hẹp hơn các loài thấy ở sinh cảnh trống trải, cây bụi, hoặc rừng đã bị tác động mạnh [12]. Trong số 9 loài phân bố hẹp thì 5 loài thuộc giống *Lethe* (họ Satyridae). Sáu loài thuộc giống *Lethe* được tìm thấy trên các đỉnh núi cao của KBTTN Hoàng Liên, trong khi đó không có loài nào của giống này được tìm thấy trên các đỉnh núi cao của VQG Tam Đảo, nơi thảm thực vật đã bị tàn phá (khảo sát năm 2001). Loài phân bố rộng nhất là *Vanessa cardui* (họ Nymphalidae).

Loài *Childrena childreni* có trong danh lục bướm của Việt Nam năm 1919 nhưng không có ở Sa Pa [5]. Loài *Lethe nicetas* phân bố từ Xích Kim đến Assam và chỉ thấy trong rừng kín, được phát hiện lần đầu cho Việt Nam. Loài

*Lethe violaceopicta* phân bố ở Trung Quốc cũng được phát hiện lần đầu cho Việt Nam. Loài *Meandrusa sciron* chỉ thấy trên các đỉnh núi cao. Ngoài ra, nhiều loài chỉ thấy ở các vùng núi cao Hoàng Liên, Ngọc Linh và Đà Lạt như *Graphium cloanthus*, *Delias belladonna* và *Papilio arcturus*. Ở độ cao 2900 m, chỉ quan sát thấy loài *Danaus genutia*. Loài *Teinopalpus imperialis* thuộc họ Bướm phượng (Papilionidae) chỉ thu được một cá thể duy nhất vào ngày 2 tháng 9 năm 1998 ở độ cao 2150 m, loài này có trong Danh lục Đỏ của IUCN và cả trong phụ lục II của CITES [4]; đây là một loài hiếm, đang có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng do quần thể nhỏ, nơi ở bị chia cắt và cả do việc săn bắt quá mức; loài này phân bố rải rác trên các đỉnh núi cao của KBTTN Hoàng Liên, ngoài ra còn thấy ở núi Ngọc Linh (Kon Tum). Loài *Troides aeacus* cũng có trong danh lục của CITES.

### III. KẾT LUẬN

Tổng số 70 loài bướm ngày (Lepidoptera, Rhopalocera) trên các đỉnh núi cao 1800-2900 m của KBTTN Hoàng Liên bước đầu đã được ghi nhận, trong đó có 2 loài được ghi nhận lần đầu cho Việt Nam.

Các đỉnh núi cao của KBTTN Hoàng Liên nói riêng, của Việt Nam nói chung, thường bị chia cắt bởi địa hình phức tạp và dốc, có diện tích nhỏ. Tuy nhiên, đây là sinh cảnh quan trọng cho các loài bướm tồn tại, bay lượn và kết đôi. Để bảo tồn các loài bướm quý, hiếm thì việc duy trì nơi sống trên các đỉnh núi cao (thảm thực vật) là rất quan trọng và cần thiết.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Đáp, Vũ Văn Liên, 2001: Tuyển tập các công trình nghiên cứu sinh thái học và tài nguyên sinh vật 1996-2000: 227-232.

- NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Vũ Văn Liên, Đặng Thị Đáp**, 2001: Tạp chí Sinh học, 23 (3): 13-18.
  3. **Chou, Lo**, 1994: Monographia Rhopalocerum Sinensium. Vols 1-2. Henan Science and Technology Press, China,.
  4. **Collin N. M. and Morris M. G.**, 1985: Threatened Swallowtail Butterflies of the World. Gland & Cambridge, IUCN.
  5. **Dubois E. and Vitalis de Salvaza R.**, 1919: Essai d'un traite d'entomologie indochinoise. Hanoi.
  6. **Hill M. J. and Monastyrskii A. L.**, 1999: Atalanta, 29: 185-208.
  7. **Lekagul B. et al.**, 1977: Field guide to the butterflies of Thailand. Association for the Conservation of Wildlife, Bangkok.
  8. **Metaye R.**, 1957: Annals of the Faculty of Science, University of Saigon: 59-106.
  9. **Monastyrskii A. L. and Hill M. J.**, 1997: Butterfly fauna of the Hoang Lien Mountains. Collections 1994-1995. In Biodiversity Value of Hoang Lien Mountains & Strategies for Conservation, ed. by Sobey, R. T. Proceedings of Seminar & Workshop, 7-9<sup>th</sup> December, 1997, Sa Pa, Lao Cai province, Vietnam SEE Forest Research Programme, London: 22-29.
  10. **Monastyrskii A. L., Bui Xuan Phuong and Vu Van Lien**, 1999: Butterfly fauna of Hoang Lien National Reserve. WWF Action Grant. Progress Report, Vietnam-Russian Tropical Center, Hanoi, Vietnam.
  11. **Osada S., Uemura Y., and Uehara J.**, 1999: An illustrated checklist of the butterflies of Laos P.D.R. Tokyo, Japan.
  12. **Spitzer K. et al.**, 1993: Journal of Biogeography, 20:109-121.

**DAY-BUTTERFLY SPECIES COMPOSITION (LEPIDOPTERA, RHOPALOCERA)  
ON HIGH MOUNTAIN TOPS OF THE HOANGLIEN NATURAL RESERVE,  
LAOCAI PROVINCE**

VU VAN LIEN

**SUMMARY**

The day-butterfly species composition on high mountain tops of the Hoanglien natural reserve was surveyed from 1998 to 2001. There are 70 day-butterfly species recorded on high mountain tops, of which one is a rare species *Teinopalpus imperialis* (listed in the Red List of IUCN and in CITES) with only one female specimen collected. This species and some other species such as *Meandrusa sciron* are restricted to mountain tops. Two species found in this area are firstly recorded for Vietnam. The habitats on the high mountain tops are important to butterfly species, especially to mountain restricted species. Such habitats are needed to be conserved for mountainous species and many other visitor butterflies.

*Ngày nhận bài: 18-3-2002*